



Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Khí thải
KT.260311.001: KT: Vị trí đầu ra ống khói chính
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 30:2012/BTNMT
				KT.260311.001	Cột B
1	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=10)	-
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	KPH (LOD=8)	-
3	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg ^(*)	mg/Nm ³	US EPA Method 29 + SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,005)	0,2
5	Tổng hợp các kim loại nặng khác: As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Pb, V, Sn, Mn, Tl, Zn ^(*)	mg/Nm ³	US EPA Method 29 + SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3111B:2023 + SMEWW 3111D:2023	2,6	1,2
6	Tổng các kim loại (Cd, Tali và hợp chất tương ứng)	mg/Nm ³	US EPA Method 29 + SMEWW 3111B:2023	0,016	0,16
7	HF ^(**)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	KPH (MDL=0,2)	-
8	Tổng chất hữu cơ dễ bay hơi, VOC ^(*)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,1)	-
9	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ) ^(*)	ng/Nm ³	US EPA (40 CFR) 23	0,0128	1,2

Ghi chú:

- "-": Không quy định;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- (*): Thông số do Nhà thầu phụ Vimcerts 251 thực hiện;
- (**): Thông số do Nhà thầu phụ Vimcerts 288 thực hiện;
- **OCVN 30:2012/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Dũng



Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

Lần ban hành 1

VP/BM/01.24



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 https://moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978
ISO/IEC 17025:2017

Số: 01090/2026/PKQ (26.209)

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Không khí xung quanh
KXQ.260311.001; KK1: Không khí khu vực sân văn phòng nhà hành chính
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260311.001	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn TB	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,9	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	23,5	-
3	Độ ẩm	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	68,2	-
4	Áp suất	hPa	QCVN 46:2022/BTNMT	1.017,2	-
5	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,6	-
6	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	38,1	70 ⁽¹⁾
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	132,1	300
8	CO	µg/Nm ³	PPNB/VP/PT01	KPH (LOD=3.000)	30.000
9	SO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 704A	237,2	350
10	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	15,2	200
11	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,7	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- ⁽¹⁾ QCVN 27:2010 - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 https://moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978
ISO/IEC 17025:2017

Số: 01091/2026/PKQ (26.209)

Trang:
13/20

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Không khí xung quanh
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : KXQ.260311.002; KK2: Không khí khu vực Lò quay (LB 12/16.19 và LB 15a.13 và LB 19.15)
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260311.002	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn TB	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,2	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	23	-
3	Độ ẩm	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	70,4	-
4	Áp suất	hPa	QCVN 46:2022/BTNMT	1.017,5	-
5	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,4	-
6	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	45,2	70 ⁽¹⁾
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	127,3	300
8	CO	µg/Nm ³	PPNB/VP/PT01	KPH (LOD=3.000)	30.000
9	SO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 704A	156,8	350
10	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	25,1	200
11	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,5	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- ⁽¹⁾ QCVN 27:2010 - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Trang:
14/20

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Không khí xung quanh
KXQ.260311.003: KK3: Không khí khu vực nghiền xi măng (LB 24.24)
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260311.003	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn TB	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,2	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	24,1	-
3	Độ ẩm	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	71,3	-
4	Áp suất	hPa	QCVN 46:2022/BTNMT	1.017,9	-
5	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,2	-
6	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	40,4	70 ⁽¹⁾
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	120,7	300
8	CO	µg/Nm ³	PPNB/VP/PT01	KPH (LOD=3.000)	30.000
9	SO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 704A	125,7	350
10	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	21,8	200
11	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,7	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 05:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- ⁽¹⁾ QCVN 27:2010 - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM ✓

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

Lần ban hành 1

VP/BM/01.24



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01093/2026/PKQ (26.209)

Trang:
15/20

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Không khí xung quanh
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : KXQ.260311.004: KK4: Không khí khu vực đóng bao, (LB 26.15 và LB 26.18)
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260311.004	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn TB	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,9	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	23,8	-
3	Độ ẩm	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	63,6	-
4	Áp suất	hPa	QCVN 46:2022/BTNMT	1.017,6	-
5	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,2	-
6	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	41,2	70 ⁽¹⁾
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	125,6	300
8	CO	µg/Nm ³	PPNB/VP/PT01	<9.000 ^(a)	30.000
9	SO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 704A	170,6	350
10	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	24,5	200
11	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,6	-

Ghi chú:

- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 05:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- ⁽¹⁾ QCVN 27:2010 - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM ✓

Nguyễn Trung Dũng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.

Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Hotline: 0915.36.36.63 https://moitruongvinhphat.com

Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01094/2026/PKQ (26.209)

Trang:
16/20

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : KXQ.260311.005: KK5: Không khí điểm cách ống khói chính theo hướng gió từ 100 đến 500 m
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260311.005	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn TB	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,3	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	23,7	-
3	Độ ẩm	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	67,5	-
4	Áp suất	hPa	QCVN 46:2022/BTNMT	1.017,4	-
5	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,7	-
6	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	37,5	70 ⁽¹⁾
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	138,8	300
8	CO	µg/Nm ³	PPNB/VP/PT01	<9.000 ^(a)	30.000
9	SO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 704A	166,6	350
10	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	19,2	200
11	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,3	-

Ghi chú:

- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- (1) QCVN 27:2010 - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01095/2026/PKQ (26.209)

Trang:
17/20

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260311.006	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn TB	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,7	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	23,6	-
3	Độ ẩm	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	70,1	-
4	Áp suất	hPa	QCVN 46:2022/BTNMT	1.017,2	-
5	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,8	-
6	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	35,3	70 ⁽¹⁾
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	123,9	300
8	CO	µg/Nm ³	PPNB/VP/PT01	<9.000 ^(a)	30.000
9	SO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 704A	196,3	350
10	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	22,5	200
11	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,5	-

Ghi chú:

- ^(a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 05:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- ⁽¹⁾ QCVN 27:2010 - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM ✓

Nguyễn Trung Dũng



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01096/2026/PKQ (26.209)

Trang:
18/20

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260311.007	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn TB	dBA	TCVN 7878-2:2018	57,8	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	23,3	-
3	Độ ẩm	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	66,5	-
4	Áp suất	hPa	QCVN 46:2022/BTNMT	1.017,3	-
5	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,5	-
6	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	40,6	70 ⁽¹⁾
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	141,9	300
8	CO	µg/Nm ³	PPNB/VP/PT01	<9.000 ^(a)	30.000
9	SO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 704A	176,3	350
10	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	26,4	200
11	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,8	-

Ghi chú:

- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 05:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- ⁽¹⁾ QCVN 27:2010 - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Trung Dũng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01097/2026/PKQ (26.209)

Trang:
19/20

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260311.008	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn TB	dBA	TCVN 7878-2:2018	57,2	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	117,2	300
3	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,5	-

Ghi chú:

- "-": Không quy định;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Trung Dũng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01087/2026/PKQ (26.209)

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Nước thải
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : NT.260311.001: NT1: Cửa xả nước từ khu vực Nhà máy ra ngoài môi trường
điểm số 1
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				NT.260311.001	Cột B
1	DO	mg/L	TCVN 6325:2016	5,0	-
2	Độ màu	Pt/Co	SOP/MTVP/HT04	32	150
3	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	5,5 ÷ 9
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,3	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9 ^(a)	150
6	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	20,5	100
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,1
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	0,01
9	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,5
10	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,1
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,05)	2
12	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,232	3
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,09 ^(a)	1
14	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,09 ^(a)	5
15	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<3 ^(a)	10
16	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	17,1	40
17	Tổng P (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,11	6
18	E.Coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	0	-
19	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	1.700	5.000

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

Lần ban hành 1

VP/BM/01.24



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01087/2026/PKQ (26.209)

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Ghi chú:

- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM ✓

Nguyễn Trung Dũng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Yên



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.

Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>

Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01088/2026/PKQ (26.209)

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Nước thải
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : NT.260311.002: NT2: Cửa xả nước từ khu vực Nhà máy ra ngoài môi trường điểm số 2
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				NT.260311.002	Cột B
1	DO	mg/L	TCVN 6325:2016	4,7	-
2	Độ màu	Pt/Co	SOP/MTVP/HT04	26	150
3	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	5,5 ÷ 9
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	6,8	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	11,6	150
6	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	19,0	100
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,1
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	0,01
9	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,5
10	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,1
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,05)	2
12	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,219	3
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,135	1
14	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,09 ^(a)	5
15	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<3 ^(a)	10
16	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	18,8	40
17	Tổng P (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,09	6
18	E.Coli	MPN/100ml		0	-
19	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2.100	5.000

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

Lần ban hành 1

VP/BM/01.24



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01088/2026/PKQ (26.209)

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Ghi chú:

- ^(a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Trung Dũng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Yên

C.P

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

Lần ban hành 1

VP/BM/01.24



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01089/2026/PKQ (26.209)

Trang:
1/20

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Nước thải
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : NT.260311.003: NT3: Cửa xả nước từ khu vực Nhà máy ra ngoài môi trường điểm số 3
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				NT.260311.003	Cột B
1	DO	mg/L	TCVN 6325:2016	4,8	-
2	Độ màu	Pt/Co	SOP/MTVP/HT04	25	150
3	pH	-	TCVN 6492:2011	6,5	5,5 ÷ 9
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	8,8	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	14,5	150
6	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	24,5	100
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,1
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	0,01
9	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,5
10	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,1
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,05)	2
12	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,219	3
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,162	1
14	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,12	5
15	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<3 ^(a)	10
16	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	22,7	40
17	Tổng P (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,09	6
18	E.Coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	0	-
19	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2.500	5.000



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01089/2026/PKQ (26.209)

Trang:
2/20

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Ghi chú:

- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Trung Dũng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Yên



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước mặt
NM.260311.001: NM1: Tại điểm tiếp nhận nước thải 1000m về phía hạ lưu
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM.260311.001	Giá trị giới hạn
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,7	6,0-8,5 ⁽¹⁾
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,2	≥ 5,0 ⁽¹⁾
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	14,5	≤ 15 ⁽¹⁾
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,3	≤ 6 ⁽¹⁾
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	10,0	≤ 100 ⁽¹⁾
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (LOD=0,03)	≤ 0,3 ⁽¹⁾
7	Tổng N	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO3:2023	KPH (LOD=0,2)	≤ 1,5 ⁽¹⁾
8	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,01
9	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,005
10	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,02
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,233	0,5
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,023	0,1
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	0,001
15	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (LOD=0,03)	0,5
16	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (LOD=1)	5
17	E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	20
18	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	810	≤ 5.000 ⁽¹⁾

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
- ⁽¹⁾ Chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước đạt mức B;

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VP/BM/01.24



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
 Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
 Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
 Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01085/2026/PKQ (26.209)

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
 Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
 Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
 Nước mặt
 Loại mẫu/ký hiệu mẫu : NM.260311.002: NM2: Trạm bơm cấp nước số 1 (Suối Cả - TT.Thanh Ba - H.Thanh Ba - T.Phú Thọ)
 Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
 Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM.260311.002	Giá trị giới hạn
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	6,0-8,5 ⁽¹⁾
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,4	≥ 5,0 ⁽¹⁾
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	14,5	≤ 15 ⁽¹⁾
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,8	≤ 6 ⁽¹⁾
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	14,0	≤ 100 ⁽¹⁾
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	0,18	≤ 0,3 ⁽¹⁾
7	Tổng N	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO3:2023	<0,6 ^(a)	≤ 1,5 ⁽¹⁾
8	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,01
9	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,005
10	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,02
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,224	0,5
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,025	0,1
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	0,001
15	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,63	0,5
16	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (LOD=1)	5
17	E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	20
18	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1.000	≤ 5.000 ⁽¹⁾

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

Lần ban hành 1

VP/BM/01.24



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01085/2026/PKQ (26.209)

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Ghi chú:

- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
- ⁽¹⁾ Chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước đạt mức B;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Nguyễn Văn Yên



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

Lần ban hành 1

VP/BM/01.24



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01086/2026/PKQ (26.209)

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực nhà máy
Nước mặt
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : NM.260311.003: NM3: Trạm bơm cấp nước số 2 (Suối Cả - TT.Thanh Ba - H.Thanh Ba - T.Phú Thọ)
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 17/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM.260311.003	Giá trị giới hạn
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	6,0-8,5 ⁽¹⁾
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,1	≥ 5,0 ⁽¹⁾
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	11,6	≤ 15 ⁽¹⁾
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,1	≤ 6 ⁽¹⁾
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	13,5	≤ 100 ⁽¹⁾
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,09 ^(a)	≤ 0,3 ⁽¹⁾
7	Tổng N	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO3:2023	KPH (LOD=0,2)	≤ 1,5 ⁽¹⁾
8	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,01
9	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,005
10	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,02
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,219	0,5
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,028	0,1
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	0,001
15	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,46	0,5
16	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (LOD=1)	5
17	E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	20
18	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1.500	≤ 5.000 ⁽¹⁾

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

Lần ban hành 1

VP/BM/01.24



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 01086/2026/PKQ (26.209)

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Ghi chú:

- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
- ⁽¹⁾ Chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước đạt mức B;

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Nguyễn Văn Yên



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khu vực nhà máy
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước mặt
NM.260311.008; NM8: Vị trí trên nguồn tiếp nhận nước thải về phía hạ lưu
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 31/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM.260311.008	Giá trị giới hạn
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,7	6,5-8,5 ⁽¹⁾
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,1	≥ 6,0 ⁽¹⁾
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	3,1	≤ 4 ⁽¹⁾
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	8,7	≤ 10 ⁽¹⁾
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	14,5	≤ 25 ⁽¹⁾
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,09 ^(a)	≤ 0,1 ⁽¹⁾
7	Tổng N	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO3:2023	KPH (LOD=0,2)	≤ 0,6 ⁽¹⁾
8	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,01
9	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,005
10	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,02
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,09 ^(a)	0,1
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,222	0,5
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,057	0,1
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	0,001
15	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,11	0,5
16	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (LOD=1)	5
17	E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	20
18	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	780	≤ 1.000 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- ^(a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
 - KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
 - **QCVN 08:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
 - ⁽¹⁾ Chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước đạt mức A;

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Nguyễn Trung Dũng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

Lần ban hành 1

VP/BM/01.24



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 00896/2026/PKQ (26.213)

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khu vực nhà máy
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước thải
NT.260311.010; NT10: Vị trí đầu ra hệ thống xử lý nước thải
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 31/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
				NT.260311.010	Cột B
1	TDS	mg/L	SOP/MTVP/HT01	190	1.000
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	5 - 9
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	21,2	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15 ^(a)	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	-
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	0,09	4
7	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (LOD=0,03)	10
8	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,37	10
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	5,9	50
10	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,2	10
11	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	680	5.000

Ghi chú:

- ^(a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM ✓

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Hotline: 0915.36.36.63 <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

ISO/IEC 17025:2017

Số: 00898/2026/PKQ (26.214)

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khu vực chung cư xi măng
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước thải
NT.260311.011: NT11: Vị trí đầu ra hệ thống xử lý nước thải
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 31/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
				NT.260311.011	Cột B
1	TDS	mg/L	SOP/MTVP/HT01	206	1.000
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	5 - 9
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	17,6	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	22,5	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	-
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	<0,09 ^(a)	4
7	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (LOD=0,03)	10
8	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	9,83	10
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	6,3	50
10	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,13	10
11	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2.200	5.000

Ghi chú:

- ^(a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Trung Dũng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Trang: 1/1

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khu vực chung cư xi măng
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước mặt
NM.260311.009; NM9: Vị trí trên nguồn tiếp nhận nước thải về phía hạ lưu
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 – 31/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM.260311.009	Giá trị giới hạn
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,7	6,0-8,5 ⁽¹⁾
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,4	≥ 5,0 ⁽¹⁾
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,8	≤ 6 ⁽¹⁾
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	14,5	≤ 15 ⁽¹⁾
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	12,5	≤ 100 ⁽¹⁾
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	0,18	≤ 0,3 ⁽¹⁾
7	Tổng N	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO3:2023	<0,6 ^(a)	≤ 1,5 ⁽¹⁾
8	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,01
9	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,005
10	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,02
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,208	0,5
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,056	0,1
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	0,001
15	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,11	0,5
16	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (LOD=1)	5
17	E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	20
18	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1.000	≤ 5.000 ⁽¹⁾

- ^(a) Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- **QCVN 08:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
- ⁽¹⁾ Chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước đạt mức B;

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VP/BM/01.24